

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định

Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-ĐHL ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định Quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Giám đốc Trung tâm SHTT và Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu VT, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

Mai Hồng Quý

Quy định Quản lý tài sản

Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1316 /QĐ-ĐHL ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: xác định tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích từ việc khai thác các tài sản trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT).

2. Sáng kiến, các quy trình nghiệp vụ nội bộ và các sáng tạo khác không phải là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, sau đây gọi chung là cán bộ - viên chức (CB-VC);

2. Các phòng, khoa/bộ môn, trung tâm và các đơn vị khác trực thuộc Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là đơn vị trực thuộc);

3. Nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, học viên thuộc các hệ đào tạo của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là người học);

4. Thực tập sinh, cộng tác viên và các đối tượng khác đến làm việc, nghiên cứu khoa học, khảo sát và/hoặc tiến hành các hoạt động tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là cộng tác viên);

5. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có mối quan hệ công tác với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này, trên cơ sở quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ là các sáng tạo phát sinh trong quá trình giảng dạy, học tập nghiên cứu của CB- VC bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các tác phẩm: luận văn, luận án; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học; bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo do Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; các bài nghiên cứu đăng tạp chí Khoa học Pháp lý của Nhà trường và các tạp chí, các báo ngoài trường; tài liệu tham khảo, bài giảng, giáo trình, chương trình máy tính...

2. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

3. Quyền tác giả là quyền của tổ chức cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

4. Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

5. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại/tên giao dịch, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

6. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học. Trong trường hợp có nhiều người cùng tham gia sáng tạo tác phẩm thì tất cả những người đó đều được thừa nhận là đồng tác giả của tác phẩm. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.

7. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

8. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

9. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

10. Tác phẩm gốc là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học được định hình lần đầu thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào

11. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm đã có, bao gồm tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

12. Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

13. Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

14. Phát sóng là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

15. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

16. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

17. Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.

18. Suu tập dữ liệu là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.

19. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

20. Văn bằng bảo hộ là văn bằng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

21. Chuyển giao tài sản trí tuệ là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng) đối tượng sở hữu trí tuệ.

22. Nhiệm vụ được giao là công việc được phân công theo quy định của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Nguồn lực của Nhà trường bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất – trang thiết bị và các nguồn lực khác của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

24. Người học là nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên chính quy, học viên hệ vừa làm – vừa học và học viên thuộc các loại hình đào tạo khác của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm nhưng không bị giới hạn ở các quyền sau:

1. Quyền tác giả đối với giáo trình; tập tài liệu giảng dạy, bài giảng; sách chuyên khảo, tham khảo, báo cáo khoa học; công trình nghiên cứu (bao gồm công trình nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ...), bài báo khoa học, chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu ...;

2. Quyền liên quan đến quyền tác giả: bản ghi âm, ghi hình về các chương trình hoạt động của Nhà trường do Trường thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện;

Điều 5. Mục đích quản lý tài sản sở hữu trí tuệ

Quản lý tài sản trí tuệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sáng tạo, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, của các cá nhân, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Nhà trường, phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, tạo nguồn thu bổ sung để phát triển Nhà trường, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 6. Các nội dung quản lý tài sản sở hữu trí tuệ

Quản lý hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Xác định quyền sở hữu, quyền tác giả đối với tài sản trí tuệ do CB- VC, đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ công tác với Nhà trường tạo ra.
2. Xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.
3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
4. Phối hợp với các đơn vị của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục thuộc Trường.
5. Tư vấn cho Hiệu trưởng cơ chế giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quyền SHTT.

Chương II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 7. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

1. Tài sản trí tuệ được tạo ra bởi CB- VC, các đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ công tác với Nhà trường theo nhiệm vụ được giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.
3. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường

Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng kinh phí do cơ quan chủ quản là Bộ GD&ĐT cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và cơ quan chủ quản chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên “Cơ quan Chủ trì” trong đề tài/dự án.

5. Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng kinh phí của Nhà trường, hoặc kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Nhà trường bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học của CB- VC và của người học, trừ trường hợp có quy định khác.

6. Tài sản trí tuệ được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Đồng sở hữu

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

a) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các đối tác, trong đó sử dụng kinh phí của các bên, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

b) Được tạo ra trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu do CB- VC của Trường thực hiện, sử dụng kinh phí của Nhà trường và của cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong các trường hợp trên sẽ do các bên tự thỏa thuận, dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của CB- VC và các chủ thể khác

1. Các tài sản trí tuệ do CB- VC Nhà trường và các chủ thể khác tạo ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 7 và Điều 8 của Quy định này thuộc sở hữu của người sáng tạo..

2. Quyền sở hữu đối với các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên Tạp chí khoa học pháp lý của Trường, trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học do Nhà trường tổ chức/ đồng tổ chức thuộc về tác giả của công trình. Tuy nhiên, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh được khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Quyền sở hữu đối với các bài giảng cá nhân, các sách chuyên khảo, tham khảo do CB-VC biên soạn trong quá trình công tác tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tập thể tác giả, trừ trường hợp sáng tạo theo nhiệm vụ được giao trong quyết định giao việc trong từng tình huống cụ thể.

4. Đối với các công trình nghiên cứu khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, các tác giả/ đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên sách, tạp chí và các phương tiện truyền thông. Việc công bố chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Nhà trường.

Điều 10. Quyền sở hữu trí tuệ của người học

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc mọi chương trình đào tạo của Nhà trường bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các tác phẩm sau: công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ... thuộc quyền sở hữu của người học. Tuy nhiên, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh được quyền khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ được sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra bằng việc sử dụng kinh phí của Nhà trường thì quyền sở hữu thuộc về Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 11. Quyền của tác giả/ Đồng tác giả

1. Các tác giả hoặc đồng tác giả các tác phẩm được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Quy định này hoặc trong hợp đồng có quy định khác.

2. Trong trường hợp tác giả, đồng tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm, các tác giả, đồng tác giả được hưởng nhuận bút, thù lao theo Quy định này hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp không được ghi nhận trong Quy định này hoặc trong hợp đồng giữa các bên thì tác giả sẽ được nhận nhuận bút, thù lao theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THUỘC (TRONG) TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Điều 12. Quản lý tài sản trí tuệ

1. Trung tâm SHTT thuộc Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh là đơn vị thực hiện quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

2. Trung tâm SHTT có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các phòng chức năng lập danh mục tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và cập nhật hàng năm.

b) Định kỳ hàng năm, lập kế hoạch và trình Hiệu trưởng quyết định phương án khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường; tham mưu và thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của Nhà trường.

c) Trình Hiệu trưởng quyết định các hoạt động xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường;

d) Tham mưu Hiệu trưởng các phương án nhằm tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chống tình trạng sao chép trái phép đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Nhà trường.;

e) Tham mưu cho Hiệu trưởng khi được yêu cầu tư vấn các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ để đảm bảo mọi hoạt động trong khuôn khổ Nhà trường tuân thủ đúng pháp luật sở hữu trí tuệ.

f) Tham mưu cho Hiệu trưởng khi được yêu cầu về các phương án, cách thức giải quyết tranh chấp, khiếu nại về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Nhà trường.

2. Các cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường, các đơn vị trực thuộc Nhà trường có nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ kịp thời bộ phận chuyên trách quản lý tài sản trí tuệ trong hoạt động quản lý và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu/đồng sở hữu của Nhà trường.

Điều 13. Các hình thức khai thác quyền sở hữu trí tuệ

Việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được tiến hành nhưng không bị giới hạn bởi các hình thức sau:

1. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức, bao gồm cả hình thức điện tử;
2. Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của Nhà trường và tác phẩm Nhà trường được quyền phân phối dưới mọi hình thức; bao gồm hình thức điện tử;
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ;
4. Chuyển giao quyền sử dụng đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ cho các đối tượng có nhu cầu;
5. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhãn hiệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

1. Nhãn hiệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm dòng chữ “Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh” và biểu tượng (Logo), khẩu hiệu (Slogan) của Trường thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các đơn vị, tổ chức thuộc Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh được quyền sử dụng nhãn hiệu của Trường, bao gồm biểu tượng, khẩu hiệu của Trường hoặc sử dụng riêng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Cán bộ - viên chức của Trường được phép sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường khi in danh thiếp.

4. Các đơn vị liên kết được quyền sử dụng nhãn hiệu, bao gồm biểu tượng, khẩu hiệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh hoặc biểu tượng, khẩu hiệu của Nhà trường trong các biển hiệu, băng rôn nhằm giới thiệu, quảng cáo cho các hoạt động đào tạo có liên kết với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ngoài các trường hợp nêu trên, cá nhân, tổ chức khác không được sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh với bất cứ hình thức, lý do nào khi chưa được Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng văn bản.

Điều 15. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mọi hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Học liệu của Trường được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được Nhà trường giao và theo pháp luật hiện hành.

3. Đối với các Luận án, luận văn, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường, các ấn phẩm đã đăng trên tạp chí Khoa học Pháp lý của Nhà trường, các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Nhà trường tổ chức/đồng tổ chức, Trung tâm Thông tin- Thư viện của Nhà trường được toàn quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Trung tâm Thông tin - Thư viện.

4. Trong quá trình khai thác và sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện, các cá nhân, tổ chức sẽ tự chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và thư viện.

Điều 16. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Tạp chí Khoa học pháp lý

1. Hoạt động của Tạp chí Khoa học pháp lý phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Tạp chí Khoa học pháp lý có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trong Tạp chí; truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;

3. Các tác giả khi gửi bài viết đến Tạp chí Khoa học pháp lý phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép của người khác.

4. Tạp chí Khoa học pháp lý không chịu trách nhiệm đối với các bài báo khoa học được đăng trên Tạp chí về các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến vấn đề quyền tác giả của tác phẩm được đăng tải trên Tạp chí.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của CB-VC trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Nhà trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và khi thực hiện các nhiệm vụ khác được Nhà trường giao.
2. Có các quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ.
3. Có quyền được hưởng tiền thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.
4. Các tác giả/đồng tác giả, Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Trường có quyền đề xuất Nhà trường xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học thuộc quyền sở hữu của Nhà trường, nhưng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tác phẩm phải ghi rõ “bản quyền thuộc Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh”.
4. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy định này, các quy định khác có liên quan của Nhà trường các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của trường trong học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Không được sử dụng tài liệu photocopy vi phạm quyền tác giả trong quá trình học tập tại Trường, có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ.
3. Phải tuân thủ các quy định của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về chống đạo văn, về trích dẫn trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.
4. Trong trường hợp vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, người học sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Chuyển giao tài sản trí tuệ

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có thể chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ thuộc về Nhà trường cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

2. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có thể nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của CB-VC, người học, cộng tác viên theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 20. Phân chia thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ

1. Việc phân chia thu nhập từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật sở hữu trí tuệ và quy định của Nhà trường.

2. Đối với các tài sản trí tuệ không phải là kết quả của đề tài, dự án sử dụng kinh phí Nhà nước, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, tiền thù lao mà tác giả/đồng tác giả được hưởng không được thấp hơn mức tối thiểu được pháp luật quy định.

3. Hằng năm, Nhà trường trích một phần lợi nhuận sau thuế từ việc các tài sản trí tuệ được thương mại hóa để đảm bảo kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của năm tiếp theo, bao gồm:

- a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý tài sản trí tuệ và cơ sở dữ liệu thông tin tài sản trí tuệ;
- c) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý tài sản trí tuệ;
- d) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ trong Nhà trường;
- e) Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn;

4. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Ban Giám hiệu quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị liên kết trong việc bảo hộ quyền SHTT do Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu

Mọi hoạt động của các đơn vị liên kết với trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện phát sinh các vấn đề không phù hợp, Giám đốc Trung tâm SHTT đề nghị Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG



Mai Hồng Quý